

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/10/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P2+RP3	7:25	17+0+1	0+0+0	15+4+0	0+0+0		
2		TD5+P6+P3	7:25	14+7+0	0+0+0	13+0+9	0+0+0		
3		TD3+TD2	9:25	21+0	0+0	15+7	0+0		
4		TD3+SAVR	9:25	11+7	0+0+0	10+12	0+0+0		
5		RCDM+CLO+TD5	11:25	9+0+9	0+0+0	0+6+12	0+0+0		

TTBBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD1 - P2 - RP3	CREW: DƯƠNG - MTHAO - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3929	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	23	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN NGOC THAI	TD1	17	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NGOC SON	TD1	19	1	2	3	55	56	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THIEN TUAN	TD1	25	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
5	LAI ĐỨC LÂM	TD1	28	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HUY	TD1	27	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD1	26	1	9			60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	20	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	18	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ QUY VINH	TD1	35-36	2	16			75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	29-30	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TÀI	TD1	24	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LINH	TD1	21-22	2	18			66	DVL	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC ĐÌNH	TD1	40	1	15	1	11	82	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC HÙNG	TD1	31	1	16	1	14	73	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN BA DUY	TD1	37-39	3	16			65	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN TUẤN TŨ	TD1						76	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN DUC ANH	RP3	44-46	3	16			62	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	17	1.198	21	139	5	80	15		
2	P2	0	0	0	0	0	0	4		
3	RP3	1	62	3	16	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.260</b>	<b>24</b>	<b>155</b>	<b>5</b>	<b>80</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.260</b>		<b>155</b>		<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.495 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - P6 - P3	CREW: VTHẮNG - SON - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3932	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	92	1	8	5	90	73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	94	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	93	1	4			86	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	86	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	83	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY KHANH	TD5	85	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
7	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	82	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
8	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	87	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO HOÀI THANH	TD5	95	1	8			74	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VINH DUY	TD5	84	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	TD5	90	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN ANH	TD5						85	KHOAN	Vietnamese
13	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	91	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC THỊNH	TD5	88	1	10	1	14	78	SCHLUMBE	Vietnamese
15	TRẦN THÈ NGUYỄN	P6	53	1	10	1	14	76	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HOANG VIÊN	P6	55-56	2	16	1	20	52	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN PHÚC	P6	62-63	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN KHẮC HOANG	P6	60-61	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ QUANG VINH	P6	51-52	2	18			78	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ THANH BÌNH	P6	57-58	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VĂN THANH	P6	59	1	12			77	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	14	1.012	13	71	6	104	13		
2	P6	7	477	12	112	2	34	0		
3	P3	0	0	0	0	1	2	9		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.489</b>	<b>25</b>	<b>183</b>	<b>9</b>	<b>140</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.489</b>		<b>183</b>		<b>140</b>			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
PHẠM THÁI SƠN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD3 - TD2	CREW: DUONG - MTHAO - VU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3930	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	OLEINIK IVAN	TD3	46	1	3			73	KHOAN	Russian
2	HOANG MINH TOAN	TD3	59	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	58	1	5			104	KHOAN	Vietnamese
4	HUYNH AI HUU	TD3	71	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
5	LE ANH THOAI	TD3	49	1	10	1	18	90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN ANH	TD3	63-64	2	10			85	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH VĂN THẮNG	TD3	68	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN PHUC	TD3	66-67	2	13			92	ANTOAN	Vietnamese
9	ILIASHENKO DMITRII	TD3	45	1	11			70	ANTOAN	Russian
10	NGO VAN TRONG	TD3	47-48	2	14			60	DMC-MI	Vietnamese
11	TRAN THANG LOI	TD3	56	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VAN CHUNG	TD3	72	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC THẮNG	TD3	57	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	60-61	2	9			87	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY CUONG	TD3	69	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO NGUYEN GIAP	TD3	70	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
17	REMENNIKOV FEDOR	TD3	62	1	12			95	KHOAN	Russian
18	LE XUAN THANG	TD3	53	1	9	1	15	78	KHOAN	Vietnamese
19	LE HUU HUNG	TD3	55	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THUAN	TD3	51-52	2	14			74	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM MANH HUNG	TD3	65	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.645	26	190	2	33	15		
2	TD2	0	0	0	0	4	57	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.645</b>	<b>26</b>	<b>190</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.645</b>		<b>190</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: XANH-2	TO: TD3 - SAVR	CREW: VTHẮNG - SON - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3933	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VIET LỘC	TD3	14-15	2	17	4	60	57	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG THAI TAI	TD3	9-10	2	16			76	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG ĐĂNG CUÔNG	TD3	11	1	17	2	40	71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	TD3	19-20	2	17			82	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ANH CUÔNG	TD3	16-18	3	20			74	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN VIET	TD3	12	1	13			78	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG ĐỨC PHONG	TD3	13	1	18			87	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC CANH	TD3	23	1	3			60	PSV	Vietnamese
9	MẠC QUANG TUAN	TD3	22	1	8			66	HA VIET	Vietnamese
10	BACH THANH BINH	TD3	01-02	2	13			63	HA VIET	Vietnamese
11	PHẠM QUANG THOM	TD3	21	1	8			66	HA VIET	Vietnamese
12	NGUYEN VIET TRUNG	SAVR	89	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
13	KIRICHENKO K.P.	SAVR	88	1	6			83	KHOAN	Russian
14	SHOKHIN IGOR	SAVR	92	1	14			106	AMNGR	Russian
15	ZINNATULLIN AZAT	SAVR	90-91	2	12			66	AMNGR	Russian
16	PHẠM VĂN HOÀNG	SAVR	95	1	3			62	MINHMINH	Vietnamese
17	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	87	1	10			67	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIẾU	SAVR	96-97	2	19			87	NIPI	Vietnamese
19	HOANG TRUNG KIEN	SAVR	93-94	2	14			68	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	11	780	17	150	6	100	10		
2	SAVR	8	620	11	88	0	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.400</b>	<b>28</b>	<b>238</b>	<b>6</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.400</b>		<b>238</b>		<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHẠM THÁI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO:RCDM - CLO - TD5	CREW: HUNG - N.CUONG - TU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM25/3931		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHUNG THE TAI	RCDM	28	1	15	1	10	66	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN BA TIEN	RCDM	27	1	13			69	XAYLAP	Vietnamese
3	TRINH VAN TU	RCDM	32	1	15	1	8	66	XAYLAP	Vietnamese
4	LE NGOC ANH	RCDM	26	1	17			93	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG TUYEN	RCDM	30	1	14	1	15	73	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG MINH THUONG	CLO	81-82	2	14	3	71	63	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TUAN	CLO	79-80	2	10	2	27	78	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DOAN	TD5	01-02	2	20	1	18	61	SCHLUMBE	Vietnamese
9	LE VAN HOA	TD5	03-04	2	14			73	LONG VU	Vietnamese
10	HOANG VAN DAI	TD5	05	1	11			63	LONG VU	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN TUAN ANH	TD5	06	1	14			63	LONG VU	Vietnamese
12	NGUYEN HONG SON	TD5	09-10	2	13			59	ABS	Vietnamese
13	LUU VIET HAI	TD5	11	1	8			56	ABS	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	TD5	08	1	7			77	DVL	Vietnamese
15	BUI BACH DUONG	TD5	07	1	14			73	DVL	Vietnamese
16	HO VAN ANH	TD5						74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	5	367	5	74	3	33	0		
2	CLO	2	141	4	24	5	98	7		
3	TD5	9	599	11	101	1	18	12		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.107</b>	<b>20</b>	<b>199</b>	<b>9</b>	<b>149</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.107</b>		<b>199</b>		<b>149</b>			

GRAND TOAL: 1.455 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHAN NHƯ CƯƠNG

